

Số: /VP-HCKSTTHC
V/v cập nhật tình hình công bố, công
khai TTHC phục vụ chính quyền địa
phương 2 cấp đến ngày 24/6/2025

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 17/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Văn phòng UBND tỉnh kính gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tình hình cập nhật công bố, công khai TTHC theo 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tính đến ngày 24/6/2025 như sau:

1. Tổng số TTHC toàn tỉnh được phân cấp, phân định thẩm quyền

1.1. Tổng số TTHC được phân định thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện là 346 TTHC, trong đó:

- Chuyển về cấp tỉnh: 18 TTHC;
- Chuyển về cấp xã: 278 TTHC;
- Bãi bỏ: 50 TTHC.

1.2. Phân cấp 556 TTHC từ trung ương cho địa phương, trong đó:

- UBND tỉnh: 262 TTHC;
- Chủ tịch UBND tỉnh: 217 TTHC;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: 70 TTHC;
- UBND xã: 06 TTHC;
- Chủ tịch UBND xã: 01 TTHC;
- Bãi bỏ: 64 TTHC.

*** Trong đó, theo lĩnh vực:**

- Lĩnh vực Ngoại giao: 02 TTHC;

- Lĩnh vực Văn hóa: 31 TTHC;
- Lĩnh vực Tư pháp: 26 TTHC;
- Lĩnh vực Công thương: 119 TTHC;
- Lĩnh vực Nội vụ: 28 TTHC;
- Lĩnh vực Tài chính: 02 TTHC;
- Lĩnh vực xây dựng: 37 TTHC;
- Lĩnh vực y tế: 59 TTHC;
- Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ: 75;
- Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường: 163 TTHC;
- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 13 TTHC;
- Lĩnh vực Dân tộc và tôn giáo: 01 TTHC.

1.3. Tổng số thủ tục dự kiến của tỉnh sau khi phân cấp (sau ngày 01/7/2025)

- Cấp tỉnh: 2.046 thủ tục
- Cấp xã: 482 thủ tục

II. Tình hình công bố, công khai TTHC đến ngày 24/6/2025

Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố các Quyết định sau:

(1) Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố TTHC được phân cấp/phân quyền thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (22 TTHC mới ban hành, 07 TTHC sửa đổi; 17 thủ tục hành chính bãi bỏ) *(Có Phụ lục I kèm theo)*

(2) Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố TTHC được phân cấp/phân quyền thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ (15 thủ tục hành chính mới ban hành; 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 16 thủ tục hành chính bãi bỏ) *(Có Phụ lục II kèm theo)*.

(3) Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố TTHC được phân cấp/phân quyền thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng (09 TTHC mới ban hành, 18 TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa) *(Có Phụ lục III kèm theo)*.

(4) Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố TTHC được phân cấp/phân quyền thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng (02 thủ tục hành chính ban hành mới và 03 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản) (*Có Phụ lục III kèm theo*).

(5) Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lao động, tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (01 thủ tục hành chính ban hành mới).

(6) Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa (13 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh).

Các thủ tục hành chính sau khi được công bố đều được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trên Trang điện tử của các cơ quan, đơn vị.

Đối với các lĩnh vực còn lại, sau khi các bộ, ngành trung ương ban hành quyết định công bố, công khai TTHC, Văn phòng UBND tỉnh sẽ phối hợp với các sở, ngành tiếp tục tham mưu trình công bố, bảo đảm đến 01/7/2025 các TTHC cấp tỉnh/cấp xã được phân cấp/phân quyền sẽ được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời để tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Mọi tổ chức, cá nhân có thể truy cập vào Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ **<https://dvcucong.gov.vn>** để tra cứu, tìm hiểu các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Trọng Trang

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI /SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG
TIN ĐIỆN TỬ, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH, THÔNG TIN ĐỐI
NGOẠI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH THANH HÓA**

*(Kèm theo Công văn số/VP-HCKSTTHC ngàytháng 6 năm 2025 của
Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên thủ tục (Mã Thủ tục)	Ghi chú
A	Danh mục TTHC mới/sửa đổi (29 thủ tục)	
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
	LĨNH VỰC BÁO CHÍ	
1.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	
2.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	
3.	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	
4.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	
5.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
6.	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
7.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	
8.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	
9.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa	

	phương	
10.	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	
	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH	
11.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (1.013698.H56)	
12.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (1.013699.H56)	
13.	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (1.013700.H56)	
14.	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (1.013701.H56)	
	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ	
15.	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
16.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
17.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	
	LĨNH VỰC VĂN HÓA	
18.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	
	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ	

19.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
20.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
21.	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
22.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
23.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.003676.000.00.00.H56)	
24.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.003654.000.00.00.H56)	
	LĨNH VỰC DU LỊCH	
25.	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh (1.003490.000.00.00.H56)	
	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH	
26.	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (1.003868.000.00.00.H56)	
27.	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (1.003114.000.00.00.H56)	
28.	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (1.008201.000.00.00.H56)	
29.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	

	(1.003483.000.00.00.H56)	
B	Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền cấp huyện (17 TTHC bãi bỏ)	
30.	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	
31.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	
32.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	
33.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	
34.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	
35.	Thủ tục Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	
36.	Thủ tục Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	
37.	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
38.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
39.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
40.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	

41.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
42.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
43.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
44.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	
45.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	
46.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG/BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**

*(Kèm theo Công văn số/VP-HCKSTTHC ngàytháng 6 năm 2025 của
Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên thủ tục (Mã thủ tục)	Ghi chú
A	Thủ tục hành chính mới/sửa đổi (15 thủ tục)	
I	Thủ tục hành chính cấp xã	
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ	
1.	Công nhận ban vận động thành lập hội (1.013702.H56)	
2.	Thành lập hội (1.013703.H56)	
3.	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (1.013704.H56)	
4.	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (1.013706.H56)	
5.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (1.013707.H56)	
6.	Hội tự giải thể (1.013708.H56)	
7.	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (1.013709.H56)	
8.	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe (1.013710.H56)	
9.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.013711.H56)	
10.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công	

	nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (1.013712.H56)	
11.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (1.013713.H56)	
12.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.013714.H56)	
13.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (1.013715.H56)	
14.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (1.013716.H56)	
15.	Quỹ tự giải thể (1.013717.H56)	
II	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
16.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.013017.H56)	
17.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (1.013018.H56)	
18.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (1.013019.H56)	
19.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (1.013020.H56)	
20.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (1.013021.H56)	
21.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (1.013022.H56)	
22.	Quỹ tự giải thể (1.013023.H56)	

B	Thủ tục hành chính cấp huyện bãi bỏ (16 thủ tục)	
23.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	
24.	Thủ tục thành lập hội	
25.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
26.	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
27.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
28.	Thủ tục hội tự giải thể	
29.	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	
30.	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	
31.	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
32.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
33.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
34.	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
35.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
36.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
37.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	
38.	Thủ tục quỹ tự giải thể	

Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, HÀNG HẢI VÀ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG,
TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Công văn số/VP-HCKSTTHC ngàytháng 6 năm 2025 của
Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên thủ tục (Mã Thủ tục)	Ghi chú
A	Danh mục TTHC mới/sửa đổi (32 thủ tục)	
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
	LĨNH VỰC NHÀ Ở	
1.	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	
	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	
2.	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	
3.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (1.012906)	
4.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác) (1.012907.H56)	
5.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn) (1.012910.H56)	
	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA	
6.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (1.001223.H56)	
7.	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.000940.H56)	

8.	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.007949.H56)	
9.	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (1.000892.H56)	
10.	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (2.000378.H56)	
11.	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (1.013466.H56)	
12.	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (1.013467.H56)	
13.	Chấm dứt hoạt động tàu lặn (1.013468.H56)	
14.	Đổi tên cảng cạn (1.001870.H56)	
15.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444.000.00.00.H56)	
16.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447.000.00.00.H56)	
17.	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465.000.00.00.H56)	
18.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998.000.00.00.H56)	
19.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001.000.00.00.H56)	
II	Thủ tục hành chính cấp xã	
20.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444.000.00.00.H56)	
21.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	

	(1.009447.000.00.00.H56)	
22.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (2.001215.000.00.00.H56)	
23.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001214.000.00.00.H56)	
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001212.000.00.00.H56)	
25.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001211.000.00.00.H56)	
26.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001217.000.00.00.H56)	
27.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001218.000.00.00.H56)	
28.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452.000.00.00.H56)	
29.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009453.000.00.00.H56)	
30.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa (1.009454.000.00.00.H56)	
31.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	

	(1.009455.000.00.00.H56)	
32.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (1.003658.000.00.00.H56)	

Phụ lục IV

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI /SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ; LĨNH VỰC KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH THUỘC
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Kèm theo Công văn số/VP-HCKSTTHC ngàytháng 6 năm 2025 của
Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên thủ tục (Mã Thủ tục)	Ghi chú
A	Danh mục TTHC mới/sửa đổi	
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG	
1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (2.001955.000.00.00.H56)	
	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH	
2	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (1.012280.H56)	
3	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (1.012289.H56)	
4	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (1.012290.H56)	
5	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (1.012291.H56)	

6	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng (1.012292.H56)	
7	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (1.012276.H56)	
8	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS (1.012281.H56)	
9	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo (1.012257.H56)	
10	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyên giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh (1.012258.H56)	
11	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành (1.012256.H56)	
12	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa (1.012260.H56)	
13	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa (1.012261.H56)	
14	Đăng ký hành nghề (1.012275.H56)	
B	Thủ tục hành chính bãi bỏ	
1	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
2	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	
3	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	